

Số: 6292 /TB-SVHTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 11 năm 2024

## THÔNG BÁO

### Về việc dự kiến đặt tên đường các đồng chí nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các đồng chí chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh

Căn cứ khoản 1, điều 17 Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng quy định: "...Cần công bố công khai dự kiến đặt tên hoặc đổi tên đường, phố, công trình công cộng để nhân dân tham gia góp ý kiến trước khi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp tại các kỳ họp thường kỳ hàng năm".

Căn cứ khoản 2, Mục VI hình thức lấy ý kiến về dự kiến đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) "công bố công khai dự kiến đặt tên hoặc đổi tên đường, phố, công trình công cộng".

Ngày 01 tháng 3 năm 2024, Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Hội đồng) đã họp và cho ý kiến về việc phương án dự kiến đặt tên đường các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các đồng chí chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh như sau:

#### - Quốc lộ 1

+ Dự kiến đặt tên **Đỗ Mười**: Cho Đoạn (1) từ nút giao thông Thủ Đức (Ngã ba Trạm 2 cũ) đến nút giao thông An Sương trên địa bàn thành phố Thủ Đức, Quận 12; chiều dài **21.060 m**, lộ giới **120 m**.

+ Dự kiến đặt tên **Lê Đức Anh**: Cho Đoạn (2) từ nút giao thông An Sương đến vòng xoay An Lạc trên địa bàn quận 12, huyện Hóc Môn, quận Bình Tân; chiều dài **14.250 m**, lộ giới **120 m**.

+ Dự kiến đặt tên **Lê Khả Phiêu**: Cho Đoạn (3) từ vòng xoay An Lạc đến ranh tỉnh Long An trên địa bàn quận Bình Tân, huyện Bình Chánh, chiều dài **9.420 m** và lộ giới **120 m**.

**- Quốc lộ 1K**

Dự kiến đặt tên **Hoàng Cầm**: Đoạn từ Quốc lộ 1 đến ranh tỉnh Bình Dương trên địa bàn thành phố Thủ Đức dài **1.818m**, lộ giới **60 m**.

**- Quốc lộ 22**

+ Dự kiến đặt tên **Lê Quang Đạo**: Đoạn (1) từ Quốc lộ 1 đến cầu An Hạ trên địa bàn huyện Hóc Môn, quận 12, dài **10.060m**, lộ giới **60 m**.

+ Dự kiến đặt tên **Phan Văn Khải**: Đoạn (2) từ cầu An Hạ đến ranh tỉnh Tây Ninh trên địa bàn huyện Củ Chi dài **20.240m**, lộ giới **120m**.

**- Quốc lộ 50:**

Dự kiến đặt tên **Văn Tiến Dũng**: Đoạn từ cầu Nhị Thiên Đường đến ranh tỉnh Long An huyện Bình Chánh có chiều dài **8.570m**, lộ giới **40m**.

Sở Văn hóa và Thể thao - Cơ quan thường trực Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn Thành phố công khai dự kiến đặt tên các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các đồng chí chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh.

Ý kiến góp ý của Nhân dân xin vui lòng gửi về Sở Văn hóa và Thể thao tại địa chỉ 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1 hoặc qua hộp thư điện tử của Phòng Quản lý Di sản Văn hóa - Sở Văn hóa và Thể thao ([dsvh.svhtt@tphcm.gov.vn](mailto:dsvh.svhtt@tphcm.gov.vn)) từ ngày 29 tháng 11 năm 2024 đến ngày 04 tháng 12 năm 2024./.

*(Đính kèm*

*- Sơ đồ các tuyến đường dự kiến đặt tên*

*- Tóm tắt tiểu sử các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các đồng chí chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh)*

**Nơi nhận:**

- Ban Giám đốc Sở VH TT;
- UBND thành phố Thủ Đức, Quận 12, quận Bình Tân, H. Bình Chánh, H. Củ Chi, H. Hóc Môn; *(để thực hiện)*
- Lưu VT, P. QLDSVH (Khg)



**Nguyễn Minh Nhựt**





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 11 năm 2024

**TÓM TẮT TIỂU SỬ**  
**CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VÀ CÁC ĐỒNG CHÍ**  
**CHỈ HUY CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH**

**1. ĐỖ MƯỜI (1917 - 2018)**

**Nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam**

Tên khai sinh là Nguyễn Duy Công, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1917, mất ngày 01 tháng 10 năm 2018.

Ông tham gia các mạng từ năm 19 tuổi trong phong trào Mặt trận bình dân. Đến năm 1939, Ông gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương.

Năm 1941, Đỗ Mười bị thực dân Pháp bắt và kết án 10 năm tù giam tại Hỏa Lò - Hà Nội. Đến tháng 3 năm 1945, Ông vượt ngục tiếp tục hoạt động cách mạng, tham gia Tỉnh ủy Hà Đông, trực tiếp lãnh đạo cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Đông.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Ông giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Hà Đông, sau đó lần lượt đảm nhận các công tác khác nhau tại tỉnh đồng bằng Bắc bộ và Liên khu III; Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam; Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Nam Định; Khu ủy III kiêm Phó Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu III; chính ủy Bộ Tư lệnh Liên khu III; Bí thư khu ủy tả ngạn sông Hồng kiêm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính và Chính ủy Bộ tư lệnh Khu tả ngạn sông Hồng.

Năm 1955, Ông là Bí thư Thành ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban quân chính Thành phố Hải Phòng. Tại Hội nghị Trung ương lần thứ 7 (tháng 3 năm 1955), Ông được bầu bổ sung Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II.

Năm 1956, Ông được cử giữ chức Thứ trưởng Bộ Nội thương.

Năm 1958, Ông được cử giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội thương. Ông là đại biểu Quốc hội khóa II nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tháng 9 năm 1960, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam, Ông được bầu là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Từ năm 1961 đến năm 1969, Ông lần lượt đảm nhiệm các chức vụ: Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá Nhà nước, Trưởng phái đoàn thanh tra của Chính phủ.

Từ năm 1969 đến năm 1971, Ông được cử giữ chức Phó Thủ tướng, Chủ nhiệm Văn phòng Kinh tế Phủ Thủ tướng.

Năm 1971, Ông được bầu là đại biểu Quốc hội khóa IV, được Quốc hội bầu giữ chức Phó Thủ tướng, Chủ nhiệm Ủy ban kiến thiết cơ bản. Từ tháng 6 năm 1973 đến tháng 11 năm 1977, Ông được cử giữ chức Bộ trưởng Bộ Xây dựng, đại biểu Quốc hội khóa V, VI.

Tháng 12 năm 1976, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, Ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương và Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị tiếp tục giữ chức Phó Thủ tướng Chính phủ nhiệm kỳ 1976 - 1981.

Tháng 7 năm 1981, Ông là đại biểu Quốc hội khóa VII và được bầu giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tháng 3 năm 1982, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, Ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị và tiếp tục giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Tháng 12 năm 1986, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, Ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị và Thường trực Ban Bí thư. Ông là đại biểu Quốc hội khóa VIII.

Tháng 6 năm 1988, Quốc hội khóa VIII bầu Ông giữ chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII và VIII, Ông Đỗ Mười được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị, giữ chức Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (6/1991 – 12/1997). Ông là đại biểu Quốc hội khóa IX.

Tháng 12 năm 1997, Ông Đỗ Mười được Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần 4 khóa VIII được cử làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

## **2. LÊ ĐỨC ANH (1920 - 2019)**

**Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Chủ tịch nước, nguyên Cố vấn Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.**

Quê quán: Xã Lộc An, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tên gọi khác: bí danh Nguyễn Phú Hòa; Sáu Nam

Năm 1937, Ông tham gia phong trào dân chủ ở Phú Vang (tỉnh Thừa Thiên Huế); tháng 5/1938, Ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam).

Tháng 8/1945, Ông tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam. Trong các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ cứu nước và chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc, Ông luôn có mặt ở những địa bàn chiến trường trọng yếu, khó khăn, ác liệt.



Ông đã kinh qua các chức vụ từ cấp đại đội, chi đội, trung đoàn, Tham mưu trưởng Khu 7, Khu 8, Khu Sài Gòn - Chợ Lớn, Tham mưu phó Bộ Tư lệnh Nam Bộ, Phó Cục trưởng Cục Tác chiến, Cục trưởng Cục Quân lực - Bộ Tổng tham mưu, Phó Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam.

Trên cương vị là Tham mưu trưởng Bộ Tư lệnh miền Nam, Phó Tư lệnh Bộ Tư lệnh miền Nam, Tư lệnh Khu 9, Phó Tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh kiêm Tư lệnh cánh quân Tây Nam, Ông đã trực tiếp tham gia và chỉ huy nhiều chiến dịch lớn, luôn thể hiện bản lĩnh của người chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng, giữ vững thế tiến công, chủ động tấn công, lăn lộn với thực tế chiến trường để tìm ra những cách đánh hiệu quả, giảm hy sinh xương máu của chiến sĩ và đồng bào, góp phần cùng quân và dân ta giành được nhiều thắng lợi có tính chiến lược, như: Đánh bại cuộc hành quân mang tên Gian-xon Xi-ti của Mỹ tấn công căn cứ của Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Miền ở Tây Ninh năm 1967, chống địch lấn chiếm, phá hoại Hiệp định Pa-ri năm 1973 trên địa bàn Khu 9, cuộc Tổng tiến công nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng nhiều tỉnh, thành phố có vị trí chiến lược, làm thay đổi cục diện chiến trường, tạo đà góp phần vào thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Đại tướng Lê Đức Anh là một vị tướng trận mạc, một nhà chỉ huy xuất sắc, có tầm nhìn chiến lược, có chiến thuật tài tình và linh hoạt xử lý các tình huống phức tạp. Ông là một trong hai sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam được phong hàm vượt cấp từ Đại tá lên Trung tướng. Cuộc đời binh nghiệp của Đại tướng gắn với nhiều chiến trường vào Nam ra Bắc và thực hiện nhiệm vụ quốc tế cao cả.

Trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam, Ông là một trong những tướng lĩnh trực tiếp chỉ huy chiến trường và giành nhiều thắng lợi quan trọng, bảo vệ biên giới thiêng liêng của Tổ quốc và giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng. Ông cũng là người trực tiếp thị sát, chỉ đạo và đóng góp quan trọng trong thực hiện chủ trương xây dựng thế trận phòng thủ vững chắc, quyết tâm bảo vệ chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Sau khi đất nước hòa bình, thống nhất, Ông được Đảng, Nhà nước giao nhiều trọng trách, như: Thứ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Tư lệnh Quân tình nguyện Việt Nam tại Campuchia, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Bí thư Đảng uỷ Quân sự Trung ương; là Ủy viên Trung ương Đảng các khóa IV, V, VI, VII, VIII; Bí thư Trung ương Đảng khoá VII; Ủy viên Bộ Chính trị các khóa V, VI, VII, VIII; Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị khóa VIII; Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ tháng 9/1992 đến tháng 12/1997; Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ năm 1997 đến tháng 4/2001; Đại biểu Quốc hội các khóa VI, VIII và IX.

Với 99 tuổi đời, hơn 80 năm tuổi Đảng, Đại tướng Lê Đức Anh đã trọn đời phấn đấu, cống hiến cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và Nhân dân ta. Ông đã được Đảng, Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương Sao Vàng, Huân chương Quân công hạng Nhất, Huân chương Chiến công hạng



Nhất, Huy hiệu 80 năm tuổi Đảng và nhiều huân chương, huy chương cao quý khác của Việt Nam và quốc tế.

### **3. LÊ KHẢ PHIÊU (1931 - 2020)**

**Nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.**

Quê quán: xã Đông Khê, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Từ năm 1947 đến năm 1949, Ông dạy bình dân học vụ ở xã. Tháng 6-1949, Ông được kết nạp và Đảng Cộng sản Việt Nam, phụ trách tuyên truyền, làm Chánh Văn phòng Chi bộ xã.

Từ tháng 5/1950 đến tháng 8/1954, Ông nhập ngũ, làm chiến sĩ, rồi đảm nhiệm các chức vụ Tiểu đội trưởng, Trung đội trưởng, Chính trị viên phó Đại đội, Chính trị viên Đại đội, Trung đoàn 66, Đại đoàn 304.

Tháng 9/1954 đến năm 1958, Ông học bổ túc quân chính trung cấp khóa I, Ông lần lượt đảm nhiệm các chức vụ Trưởng Tiểu ban Tổ chức Trung đoàn, Chính trị viên tiểu đoàn; Phó Chủ nhiệm rồi Chủ nhiệm chính trị Trung đoàn 66, Sư đoàn 304. Đến tháng 4/1958, Ông là học viên Trường Chính trị trung cao.

Tháng 6/1961 đến năm 1966, Ông lần lượt giữ các chức vụ phó ban rồi trưởng ban tổ chức phòng chính trị Sư đoàn 304; sau đó làm phó chính ủy rồi chính ủy kiêm trung đoàn trưởng Trung đoàn 9, Sư đoàn 304, Quân khu Hữu Ngạn, Đảng ủy viên Sư đoàn.

Năm 1967 đến năm 1970, Ông vào chiến trường Trị Thiên chiến đấu, làm Chính ủy Trung đoàn 9. Tháng 01/1968, Ông kiêm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 9. Đến năm 1970, Ông làm Trưởng phòng Tổ chức Quân khu Trị Thiên.

Từ tháng 10/1971 đến tháng 2/1974, Ông làm Phó Chủ nhiệm chính trị Quân khu Trị Thiên.

Tháng 5/1974, chủ nhiệm chính trị Quân đoàn 2.

Năm 1978, chủ nhiệm chính trị, phó chính ủy kiêm chủ nhiệm chính trị, phó tư lệnh về chính trị Quân khu 9.

Từ tháng 8/1980 - 3/1983, Ông làm Phó Tư lệnh về chính trị kiêm Chủ nhiệm Chính trị Quân khu 9, được bầu vào Thường vụ rồi Phó Bí thư Đảng ủy Quân khu. Đến tháng 3/1983, Ông giữ chức Chủ nhiệm Chính trị Quân khu 9.

Tháng 4/1984 đến năm 1988: chủ nhiệm chính trị, phó tư lệnh về chính trị kiêm chủ nhiệm chính trị, phó bí thư ban cán sự Bộ tư lệnh quân tình nguyện Việt Nam tại Campuchia.

Tháng 8/1988 - 1991, Ông làm Phó Chủ nhiệm sau đó giữ chức Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Ủy viên thường vụ Đảng ủy quân sự Trung ương (1991).

Tại Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Trung ương khóa VII (tháng 01/1994), Ông được bầu vào Bộ Chính trị. Đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII (tháng 6/1996), Ông tiếp tục được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành



Trung ương Đảng và được Ban Chấp hành Trung ương bầu vào Bộ Chính trị, được cử tham gia Thường vụ Bộ Chính trị, phân công làm Thường trực Bộ Chính trị kiêm Trưởng ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương.

Tháng 12/1997 đến tháng 4/2001, Ông được bầu làm Tổng Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Bí thư Đảng ủy Quân sự Trung ương (nay là Quân ủy Trung ương).

Do có nhiều công lao và thành tích xuất sắc đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, Ông được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng; Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng và nhiều huân, huy chương cao quý khác của Việt Nam và quốc tế.

#### **4. HOÀNG CẨM (1920 - 2013)**

##### **Thượng tướng**

Tên gọi khác: Đỗ Văn Cẩm

Quê quán: xã Sơn Công, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội)

Ông tham gia cách mạng năm 1945, là chiến sĩ giải phóng quân Hà Nội; tháng 8 năm 1945, nhập ngũ quân đội.

Từ tháng 10/1945 đến tháng 11/1946, ông là Tiểu đội trưởng; Trung đội phó, Trung đội trưởng, Đại đội phó thuộc Trung đoàn 97.

Tháng 12/1946 đến tháng 2/1947, ông là Đại đội trưởng kiêm Chính trị viên Đại đội 120 Sơn La. Ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương vào tháng 2/1947.

Tháng 3/1947 đến tháng 8/1954, ông là Chính trị viên Đại đội 590, Tiểu đoàn 18, Biên giới Lào - Việt; Đại đội trưởng Đại đội 250, Trung đoàn 97; Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 90 Xây dựng cơ sở ở Đà Bắc; Tiểu đoàn phó, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 130, Trung đoàn 209, Sư đoàn 312; Trung đoàn phó, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 209, Sư đoàn 312.

Tháng 9/1954 đến tháng 8/1972, ông giữ các cương vị: Tham mưu trưởng, Sư đoàn trưởng Sư đoàn 312; Học viên Học viện quân sự Bắc Kinh; Phái viên Tác chiến Bộ chỉ huy quân sự Miền; Sư đoàn trưởng Sư đoàn 9; Phái viên Bộ Tổng tư lệnh Miền; Tham mưu phó, Tham mưu trưởng Bộ tư lệnh Miền.

Tháng 9/1972 đến tháng 12/1974, ông là Chỉ huy phó Bộ chỉ huy quân sự Miền phụ trách Chỉ huy trưởng Đoàn 301, B2; Chỉ huy trưởng Đoàn 301, B2; từ tháng 1/1975 đến tháng 2/1977 là Tư lệnh Quân đoàn 4; tháng 3/1977 đến tháng 1/1981 là Tư lệnh kiêm Chính ủy Quân đoàn 4; từ tháng 2/1981 đến tháng 3/1982 là Phó Tư lệnh Bộ đội Việt Nam tại Campuchia; từ tháng 4/1982 đến tháng 8/1987 là Tư lệnh Quân khu 4. Ông là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa IV, V, VI. Đại biểu Quốc hội khóa VII.

Tháng 9/1987, ông được điều động về Tổng Thanh tra Quân đội và được Chính phủ bổ nhiệm Tổng Thanh tra Quân đội (nay là Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng).

Ông được phong quân hàm cấp Thượng tá (8/1958); thăng quân hàm Đại tá năm 1960, Thiếu tướng năm 1974, Trung tướng năm 1980, Thượng tướng năm 1984). Tháng 11/1992, ông được Nhà nước cho nghỉ hưu.

Với nhiều công lao, cống hiến cho sự nghiệp cách mạng, Thượng tướng Hoàng Cầm đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh và nhiều phần thưởng cao quý khác.

## **5. LÊ QUANG ĐẠO (1921 – 1999)**

### **Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước.**

Tên gọi khác: Nguyễn Đức Nguyễn

Quê quán: xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Sớm giác ngộ cách mạng, năm 1938 ông tham gia hoạt động trong phong trào Thanh niên Dân chủ ở Hà Nội.

Tháng 8/1940, Ông gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương.

Từ năm 1943 - tháng 5/1945: Bí thư Ban Cán sự Hà Nội; Ủy viên Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ.

Từ năm 1945 - 1949: giữ các chức vụ Bí thư Thành ủy Hải Phòng, Hà Nội, Phó Bí thư Khu ủy Liên khu 3, Phó ban Tuyên huấn Trung ương.

Giai đoạn từ năm 1946 đến 1949: Ông là Ủy viên Xứ ủy Bắc Kỳ, Bí thư Thành ủy Hà Nội, Phó Bí thư khu ủy đặc biệt Hà Nội, Liên khu ủy viên Liên khu 3, Bí thư liên tỉnh Hà Nội - Hà Đông.

Từ năm 1950 - 1976, công tác trong Quân đội nhân dân Việt Nam, làm Cục trưởng Cục Tuyên huấn, Phó trưởng đoàn Quân đội nhân dân Việt nam trong Ủy ban Liên hiệp đình chiến Việt - Pháp, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Bí thư Đảng ủy, Chính ủy Chiến dịch đường 9, Bí thư - Chính ủy Mặt trận giải phóng Quảng Trị.

Năm 1958: Phong quân hàm Thiếu tướng.

Năm 1974: Phong Quân hàm Trung tướng, Bí thư Trung ương Đảng khóa IV, V, Ủy viên Trung ương Đảng khóa VI.

Tháng 6/1987: tại Kỳ họp thứ I Quốc hội khóa VIII, được bầu làm Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng nhà nước.

Tháng 8/1994 - 7/1994: Chủ tịch Đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (khóa IV).

Ông được Đảng và Nhà nước tặng thưởng: Huân chương Sao Vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Quân công hạng nhất, Huân chương



Chiến thắng hạng nhất, Huân chương Kháng chiến hạng nhất và nhiều huân chương, huy chương khác.

## **6. PHAN VĂN KHẢI (1933 - 2018)**

**Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Nguyên Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

Quê quán: xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Năm 1947 - 1949, Ông tham gia Đội thiếu nhi xã và làm cán bộ thiếu nhi xã Tân An Hội, huyện Hóc Môn. Sau đó, Ông làm Ủy viên Ban Chấp hành thiếu nhi huyện Hóc Môn, tỉnh Gia Định.

Năm 1950 - 1951, Ông làm công tác văn thư Tỉnh đoàn thanh niên tỉnh Gia Định.

Năm 1952 đến năm 1954, Ông làm công tác văn phòng của Mặt trận Liên Việt tỉnh Gia Định Ninh, Văn phòng Tỉnh ủy và Ủy ban kháng chiến tỉnh Gia Định Ninh.

Tháng 10-1954, Ông tập kết ra Bắc.

Năm 1955 đến năm 1957, Ông làm công tác giám tô đợt 7 ở Hà Nam, đợt 4 cải cách ruộng đất ở tỉnh Sơn Tây và đợt 5 cải cách ruộng đất ở Bắc Hưng Yên.

Tháng 8-1957 đến năm 1959, Ông học văn hoá ở Trường bồi túc công nông Trung ương.

Ngày 15-7-1959 được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam

Tháng 8-1959 đến tháng 8-1960, Ông học Trường Ngoại ngữ Trung ương.

Tháng 9-1960 đến tháng 6-1965, Ông học Đại học Kinh tế quốc dân Mát xơ-va, Liên Xô.

Tháng 6-1965 đến năm 1971, Ông làm cán bộ, Phó phòng, Trưởng phòng Vụ Tổng hợp, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

Năm 1972 đến năm 1975, Ông làm cán bộ nghiên cứu kinh tế miền Nam, năm 1973 vào chiến trường B2, năm 1974 Ông ra Hà Nội làm Vụ phó Vụ Kế hoạch chi viện, Ủy ban Thống nhất.

Năm 1976 đến năm 1978, Ông làm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1979 đến năm 1980, Ông làm Thành ủy viên, Ủy viên Thường vụ Thành ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1981 đến năm 1984, Ông làm Phó Bí thư Thành ủy, Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (tháng 3-1982), Ông được bầu vào Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tại Hội nghị lần

thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa V (năm 1984), Ông được bầu vào Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Năm 1985 đến tháng 3-1989, Ông làm Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12-1986), Ông tiếp tục được bầu lại vào Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Tháng 4-1989 đến tháng 6-1991, Ông làm Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch nhà nước.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6-1991), Ông tiếp tục được bầu lại vào Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Trung ương bầu vào Ủy viên Bộ Chính trị.

Tháng 7-1991, Ông làm Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng; tháng 9-1992 đến tháng 8-1997 làm Phó Thủ tướng Chính phủ.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (tháng 6-1996), Ông tiếp tục được bầu lại vào Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tiếp tục được Trung ương bầu vào Ủy viên Bộ Chính trị; Ông làm Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ.

Tháng 9-1997, Ông làm Thủ tướng Chính phủ; làm Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị tháng 01-1998.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4-2001), Ông tiếp tục được bầu lại vào Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Trung ương bầu vào Ủy viên Bộ Chính trị, tiếp tục làm Thủ tướng Chính phủ đến tháng 7-2006.

Ông được nghỉ công tác, nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01-01-2008.

Do có nhiều công lao và đóng góp lớn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, Ông đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng, nhiều huân chương, huy chương cao quý khác của Việt Nam và quốc tế và Huy hiệu 55 năm tuổi Đảng.

## **7. VĂN TIẾN DŨNG (1917 - 2002)**

**Đại tướng, nguyên Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.**

Quê quán: xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Ông tham gia cách mạng 1936.

Năm 1943 - 1944: Bí thư Ban cán sự Đảng Hà Đông, Bắc Ninh, Ủy viên thường vụ rồi làm Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ. Nhiều lần bị thực Pháp bắt giam.

Tháng 1/1945 bị kết án tử hình vắng mặt; Ủy viên Ủy ban quân sự cách mạng Bắc Kỳ, phụ trách tổ chức chiến khu Quang Trung, chỉ đạo vũ trang giành chính quyền ở các tỉnh Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa.



Trong kháng chiến chống Pháp, 11/1945 - 1946 Chính ủy Chiến khu 2.

Tháng 12/1946- 1949, Cục trưởng cục Chính trị Quân đội Quốc gia Việt Nam, Phó Bí thư Quân ủy Trung ương.

Tháng 10/1949-1950, Chính ủy Quân khu 3.

Năm 1951 - 1953, đại đoàn trưởng kiêm chính ủy đầu tiên của Đại đoàn 320.

Tháng 11/1953, Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam. Sau chiến dịch Điện Biên Phủ, trưởng đoàn đại biểu của Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam trong Ủy ban liên hiệp đình chiến thi hành Hiệp định Giơ ne vơ 1954 về Việt Nam.

Từ năm 1954, Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, trực tiếp chỉ đạo các chiến dịch: Đường 9 – Nam Lào (1971); Trị Thiên (1972); Tây Nguyên (1975); tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh (4/1975).

Năm 1980 - 1986: Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bí thư Đảng ủy Quân sự Trung ương (1984 - 1986). Tác giả của nhiều tác phẩm quân sự như: “Mấy vấn đề nghệ thuật quân sự Việt Nam, “Quyết tâm đánh bại chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, “Bàn về những kinh nghiệm xây dựng lực lượng vũ trang của Đảng ta”.

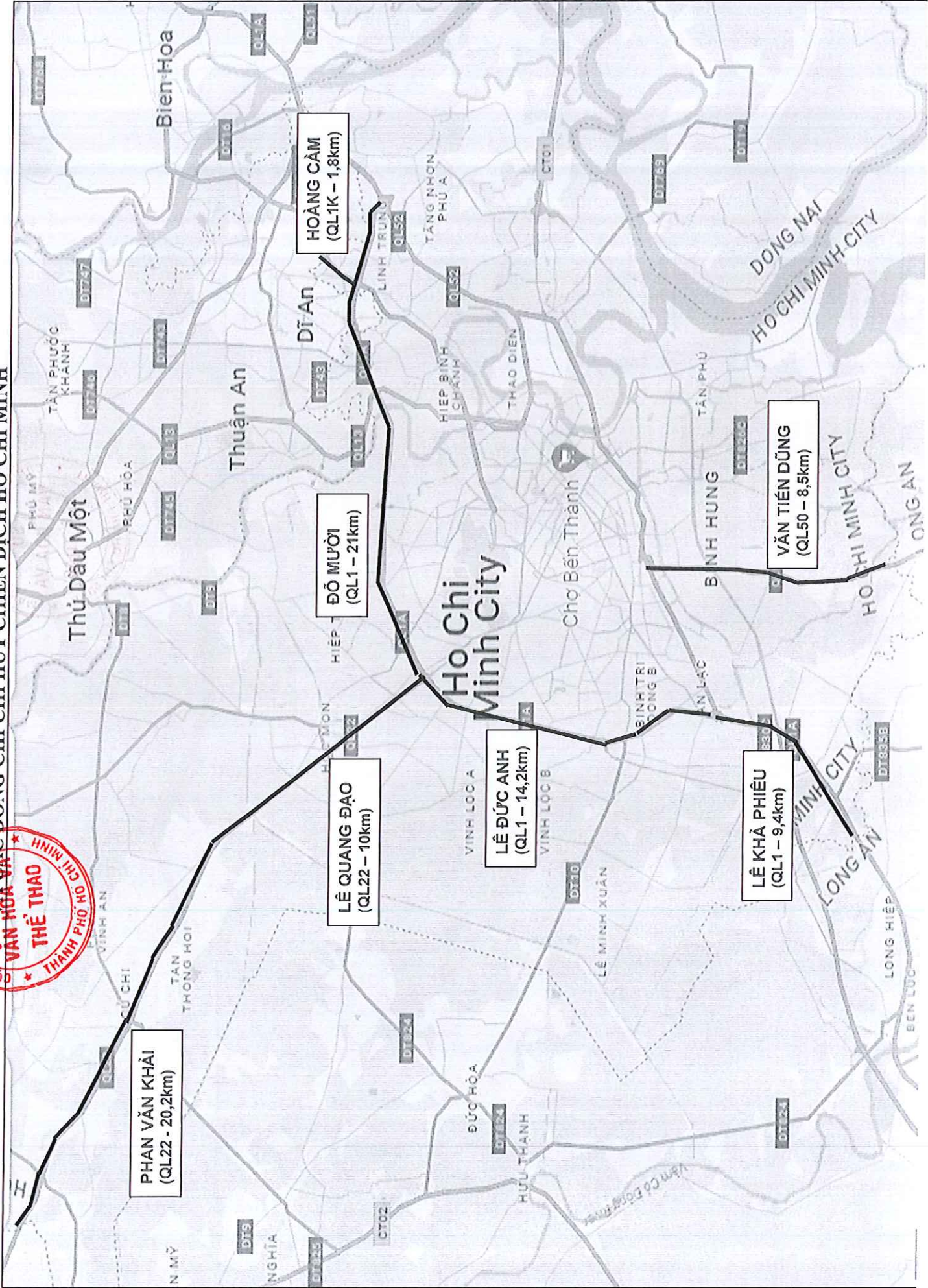
Ông là Ủy viên BCH Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa III-VI (dự khuyết khóa II), Ủy viên Bộ Chính trị (3/1972) khóa IV, V (dự khuyết khóa III). Đại biểu Quốc hội khóa II-VII. Huân chương: Sao vàng, Hồ Chí Minh, Quân công (hạng nhất, hạng nhì), chiến thắng hạng nhất, kháng chiến hạng nhất...

**SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



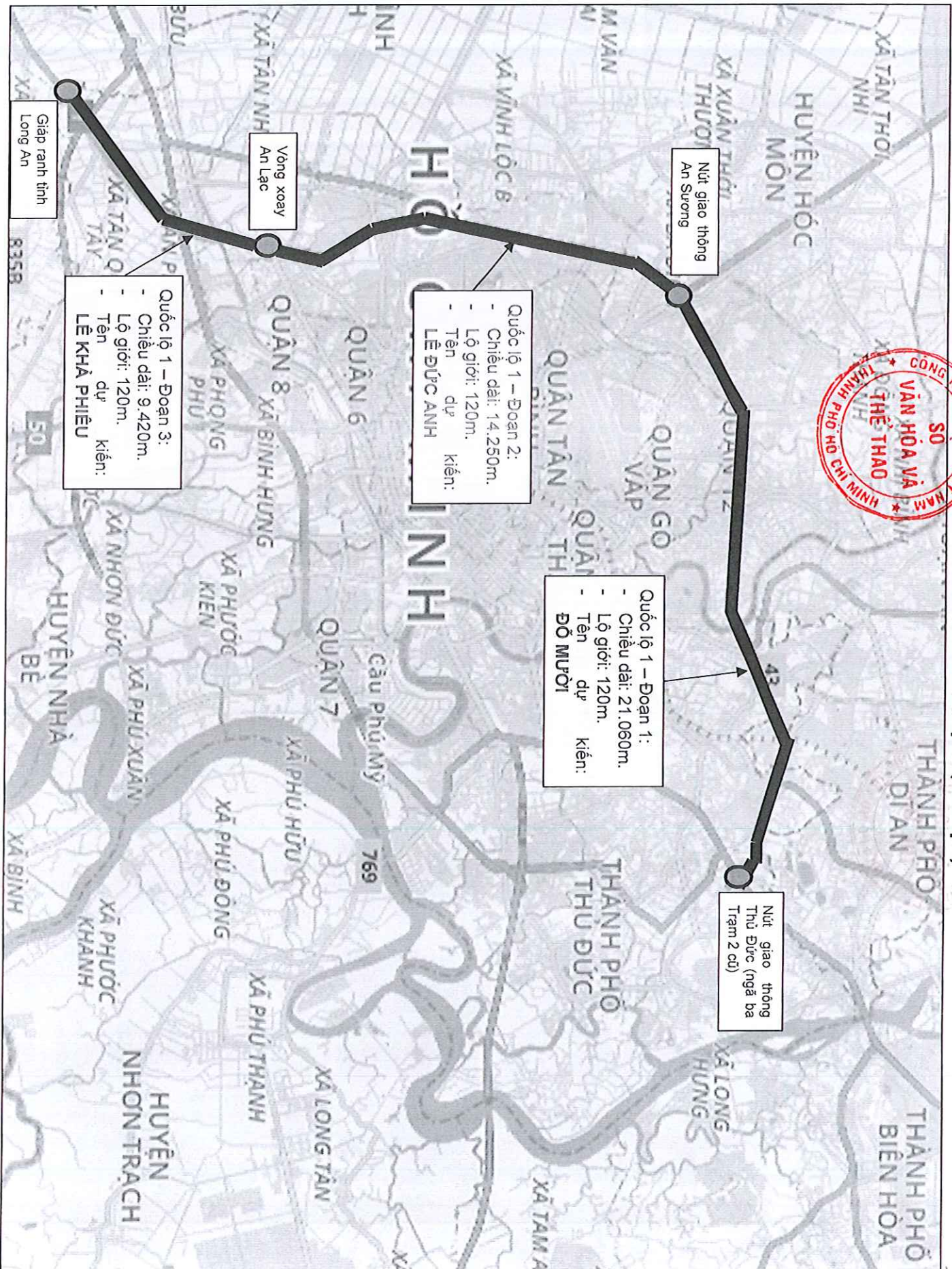


SỞ ĐO CÁC TUYÊN ĐƯỜNG ĐỀ XUẤT ĐẶT TÊN LÃNH ĐẠO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC  
VĂN HÓA VÀ CÁC ĐỒNG CHÍ CHỈ HUY CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH



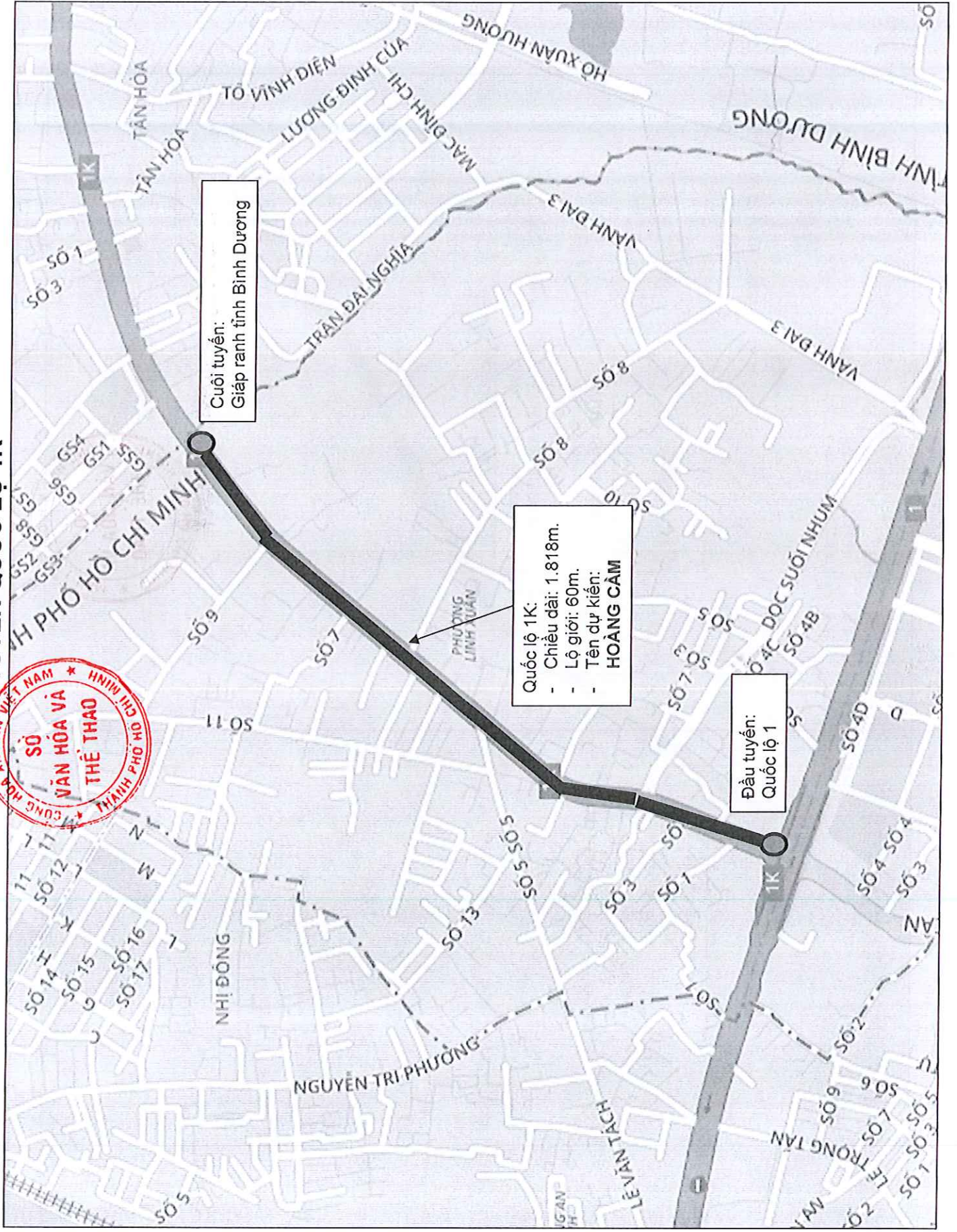


**SƠ ĐỒ TUYẾN QUỐC LỘ 1 (3 đoạn)**





# SƠ ĐỒ TUYẾN QUỐC LỘ 1K



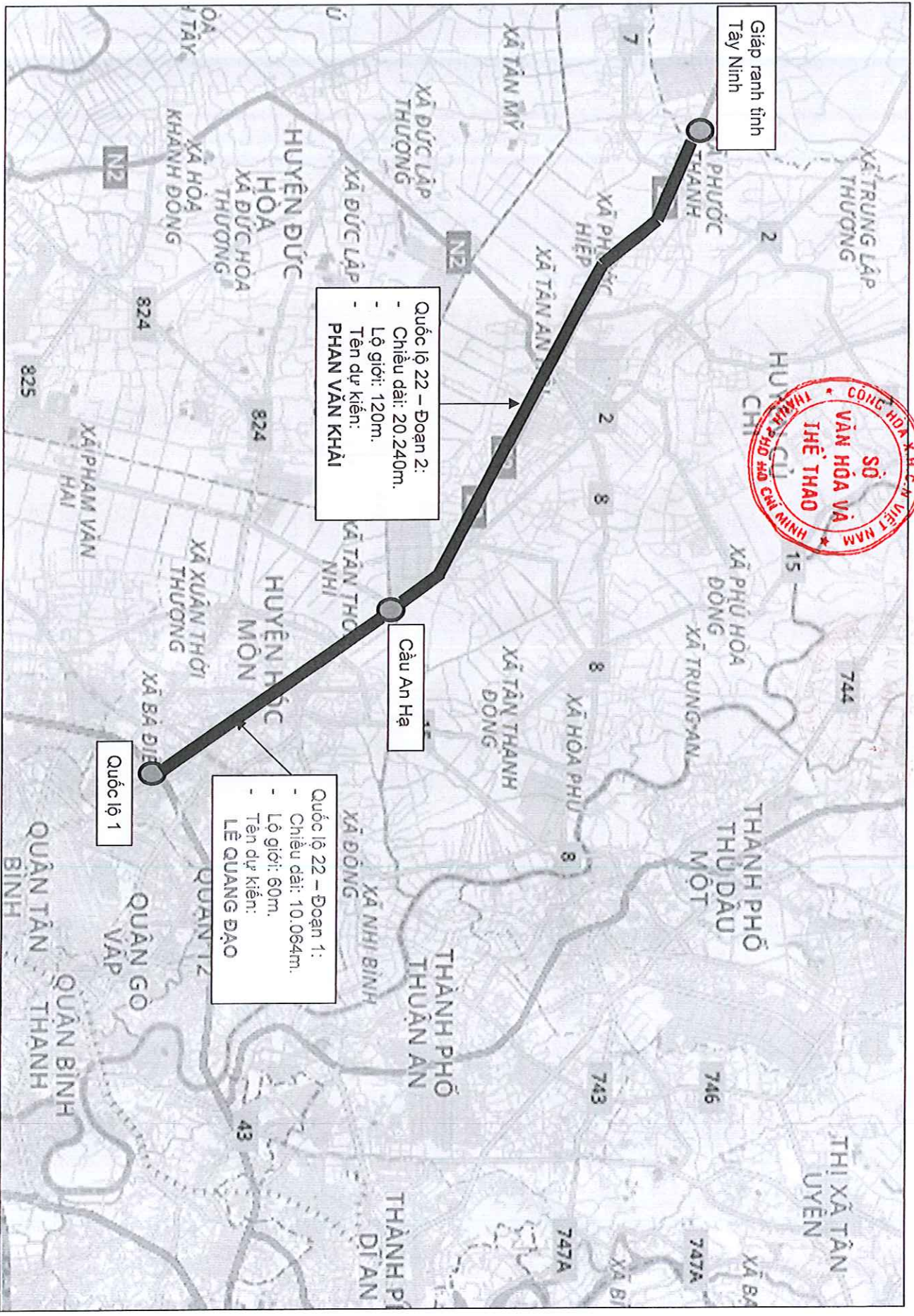
Cuối tuyến:  
Giáp ranh tỉnh Bình Dương

Quốc lộ 1K:  
- Chiều dài: 1.818m.  
- Lộ giới: 60m.  
- Tên dự kiến:  
**HOÀNG CẨM**

Đầu tuyến:  
Quốc lộ 1



# SƠ ĐỒ TUYẾN QUỐC LỘ 22





# SƠ ĐỒ TUYẾN QUỐC LỘ 50



Đầu tuyến:  
Cầu Nhị Thiên Đường

Đoạn tuyến này đã được phân loại là đường đô thị

Nút giao Nguyễn Văn Linh – Quốc lộ 50

Quốc lộ 50:  
- Chiều dài: 8.570m.  
- Lộ giới: 40m.

Đoạn tuyến đã được phân loại là đường đô thị theo Quyết định số 2250/QĐ-BGTVT của Bộ GTVT

Cuối tuyến:  
Giáp ranh tỉnh Long An

